

Bản án số: 1359/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 09-8-2023

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Mỹ Hạnh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Đặng Thị Huệ Tú

Ông Nguyễn Thành Thông

*Thư ký phiên tòa:* Ông Bùi Trường An - Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.*

Trong ngày 09 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 487/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2914/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lý Thị Thanh P**, sinh năm 1975.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **Số E Ấp C, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.**

Địa chỉ: **Số D Khu phố G, thị trấn N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.**

- *Bị đơn:* Ông **Tran Van K (Trần Văn K1)**, sinh năm 1944.

Địa chỉ: **D Retreat BLVD W, ON, L4H 0C1, Canada.**

*(Các đương sự đều có đề nghị xét xử vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo Đơn khởi kiện và Bản tự khai, nguyên đơn là bà **Lý Thị Thanh P** trình bày:

*Về quan hệ hôn nhân:* Bà và ông **Tran Van K (Trần Văn K1)** tự nguyện đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn ký ngày 26/7/2006, vào Sổ đăng ký kết hôn số 2428, quyển số 09, ngày 28/7/2006 do Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp. Sau khi kết hôn, bà và ông **Tran Van K (Trần Văn K1)** không chung sống do cách trở về địa lý, vợ chồng không có sự yêu thương, chăm sóc lẫn nhau. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông **Tran Van K (Trần Văn K1)**.

*Về con chung:* Bà và ông **Tran Van K (Trần Văn K1)** không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về tài sản chung:* Bà và ông **Tran Van K (Trần Văn K1)** không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung:* Bà và ông **Tran Van K (Trần Văn K1)** không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo Đơn đồng ý ly hôn, yêu cầu không hòa giải đoàn tụ, và đề nghị xét xử vắng mặt đã được Đ1 tại C-na-đa chứng nhận, bị đơn là ông **Tran Van K (Trần Văn K1)** trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Ông và bà **Lý Thị Thanh P** đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn ký ngày 26/7/2006, vào Sổ đăng ký kết hôn số 2428, quyển số 09, ngày 28/7/2006 do Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp. Do giữa ông và bà **Lý Thị Thanh P** bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mất khác vì sự cách trở về địa lý khiến cho hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông đồng ý ly hôn với bà **Lý Thị Thanh P**.

*Về con chung:* Ông và bà **Lý Thị Thanh P** không có con chung.

*Về tài sản chung:* Ông và bà **Lý Thị Thanh P** không có tài sản chung.

*Về nợ chung:* Ông và bà **Lý Thị Thanh P** không có nợ chung.

*Tại phiên tòa sơ thẩm:*

Nguyên đơn là bà **Lý Thị Thanh P** và bị đơn là ông **Tran Van K (Trần Văn K1)** đều có đề nghị xét xử vắng mặt bằng văn bản.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:*

*Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Ngày 28/7/2022, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận Đơn khởi kiện về việc ly hôn của bà **Lý Thị Thanh P** yêu cầu xem xét, giải quyết cho bà **Lý Thị Thanh P** được ly hôn với ông **Tran Van K (Trần Văn K1)**. Do ông **Tran Van K (Trần Văn K1)** đang cư trú tại C-na-đa, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, yêu cầu khởi kiện nêu trên của bà **Lý Thị Thanh P** thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

*Về tố tụng:*

Nguyên đơn bà **Lý Thị Thanh P** và bị đơn ông **Tran Van K (Trần Văn K1)** đều có đề nghị xét xử vắng mặt bằng văn bản, nên căn cứ vào khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và điểm a khoản 1 Điều 478 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh vẫn tiến hành xét xử vụ án.

*Về nội dung vụ án:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Giữa bà Lý Thị Thanh P và ông Tran Van K (Trần Văn K1) có quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp và thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ vào các chứng cứ mà Tòa án thu thập được từ Bản tự khai của bà Lý Thị Thanh P và Đ đồng ý ly hôn, yêu cầu không hòa giải đoàn tụ, và đề nghị xét xử vắng mặt (đã được Đ1 tại C-na-đa chứng nhận) của ông Tran Van K (Trần Văn K1), hai bên thống nhất thuận tình ly hôn, nên có cơ sở để xác định rằng mục đích của hôn nhân giữa bà Lý Thị Thanh P và ông Tran Van K (Trần Văn K1) đã không đạt được. Do đó, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lý Thị Thanh P và ông Tran Van K (Trần Văn K1).

*Về con chung:* Bà Lý Thị Thanh P và ông Tran Van K đều xác nhận không có.

*Về tài sản chung:* Bà Lý Thị Thanh P và ông Tran Van K (Trần Văn K1) đều xác nhận không có.

*Về nợ chung:* Bà Lý Thị Thanh P và ông Tran Van K (Trần Văn K1) đều xác nhận không có.

*Án phí dân sự sơ thẩm:* Bà Lý Thị Thanh P là nguyên đơn có yêu cầu ly hôn nên căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bà Lý Thị Thanh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, điểm a khoản 2 Điều 478 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2016;

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Lý Thị Thanh P.

#### **1. Về quan hệ hôn nhân:**

Bà Lý Thị Thanh P và ông Tran Van K (Trần Văn K1) thuận tình ly hôn. Quan hệ hôn nhân giữa bà Lý Thị Thanh P và ông Tran Van K (Trần Văn K1) chấm dứt; Giấy chứng nhận kết hôn ký ngày 26/7/2006, vào Sổ đăng ký kết hôn số 2428, quyển số 09, ngày 28/7/2006 do Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp cho bà Lý Thị Thanh P và ông Tran Van K (Trần Văn K1) không còn giá trị pháp lý kể từ thời điểm bản án này có hiệu lực pháp luật.

#### **2. Về con chung:**

Bà Lý Thị Thanh P và ông Tran Van K (Trần Văn K1) đều xác nhận không có.

#### **3. Về tài sản chung:**

Bà Lý Thị Thanh P và ông Tran Van K (Trần Văn K1) đều xác nhận không có.

**4. Về nợ chung:**

Bà Lý Thị Thanh P và ông Tran Van K (Trần Văn K1) đều xác nhận không có.

**5. Án phí dân sự sơ thẩm:**

Bà Lý Thị Thanh P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí bà Lý Thị Thanh P đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003172 ngày 13/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lý Thị Thanh P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

**6. Về quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm:**

Bà Lý Thị Thanh P vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nên quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đối với bà Lý Thị Thanh P là 15 ngày, kể từ ngày bà Lý Thị Thanh P được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Ông Tran Van K (Trần Văn K1) vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nên quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đối với ông Tran Van K (Trần Văn K1) là 01 tháng, kể từ ngày ông Tran Van K (Trần Văn K1), hoặc người đại diện theo ủy quyền của ông Tran Van K (Trần Văn K1) được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Thị Mỹ Hạnh**